| **Bước** | **Nội dung** | **Trạng thái ✔** |
| --- | --- | --- |
| **1. Xác định mục tiêu** | Chọn mục tiêu rõ ràng (VD: quản lý thời gian, định hướng học tập) | ☐ |
|  | Tránh đặt mục tiêu quá rộng, lan man | ☐ |
| **2. Xác định đối tượng** | Hiểu đặc điểm SV năm nhất (bỡ ngỡ, thích vui, ít kiên nhẫn) | ☐ |
|  | Thiết kế nội dung ngắn gọn, nhiều tương tác | ☐ |
| **3. Lên khung nội dung** | Soạn timeline 2–3 giờ | ☐ |
|  | Ice-breaking (10’) | ☐ |
|  | Giới thiệu + mục tiêu (20’) | ☐ |
|  | Phần chính 1 (40’) | ☐ |
|  | Thảo luận nhóm (15’) | ☐ |
|  | Phần chính 2 (30’) | ☐ |
|  | Q&A / chia sẻ (20’) | ☐ |
|  | Tổng kết + feedback (15’) | ☐ |
| **4. Phân công nhân sự** | Leader: điều phối tổng thể | ☐ |
|  | MC: dẫn dắt, giữ không khí | ☐ |
|  | Speaker: trình bày nội dung chính | ☐ |
|  | Điều phối nhóm: hỗ trợ thảo luận | ☐ |
|  | Kỹ thuật: máy chiếu, mic, file dự phòng | ☐ |
|  | Hậu cần: nước, giấy, phòng học, bảng tên | ☐ |
|  | Truyền thông: quảng bá, chụp ảnh, đăng recap | ☐ |
| **5. Công cụ hỗ trợ** | Slide (PowerPoint/Google Slides/Canva) | ☐ |
|  | Công cụ tương tác (Mentimeter/Kahoot/Google Form) | ☐ |
|  | Giấy note / bảng trắng / flipchart | ☐ |
|  | Công cụ truyền thông (poster, group chat) | ☐ |
| **6. Phương pháp dẫn dắt** | Storytelling (chia sẻ trải nghiệm) | ☐ |
|  | Câu hỏi mở để khuyến khích suy nghĩ | ☐ |
|  | Chia nhóm nhỏ để sinh viên chủ động | ☐ |
|  | “Checkpoint” 10–15 phút giữ tập trung | ☐ |
| **7. Đánh giá** | Ngay sau buổi: Google Form 3–5 câu hỏi | ☐ |
|  | Trong buổi: quan sát mức độ tham gia | ☐ |
|  | Sau 1–2 tuần: follow-up qua email/nhóm chat | ☐ |